

Số: /BC-SD5-HĐQT

Hà nội, ngày tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2013

I.THÔNG TIN CHUNG:

1.Thông tin khái quát:

- * **Tên công ty** : CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5
- * **Tên tiếng Anh** : Song Da 5 joint stock Company
- * **Tên viết tắt** : Song Da 5 JSC
- * **Giấy ĐKKD số** :0100886857
- * **Mã chứng khoán** : SD5
- * **Số lượng cổ phiếu lưu hành** : 18.000.000 Cổ phiếu
- * **Địa chỉ trụ sở** : Tầng 5, Tháp B tòa nhà HH4 khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm , TP Hà Nội
- * **Điện thoại** : 04 222 555 86 **Fax:** 04 222 555 58
- * **Website:** songda5.com.vn **Email:** Info@songda5.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Sông Đà 5 (Công ty) tiền thân là Công ty xây dựng thủy điện Vĩnh Sơn được thành lập theo Quyết định số: 79/BXD-TCLĐ ngày 03/5/1990 của Bộ trưởng Bộ xây dựng; là doanh nghiệp nhà nước, đơn vị thành viên của Tổng Công ty xây dựng Sông Đà. Trụ sở khi đó đóng tại 31 Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn.

Các mốc sự kiện quan trọng của Công ty cổ phần Sông Đà 5:

Tháng 11/1990: đơn vị chuyển trụ sở lên xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định và tham gia xây dựng thủy điện Vĩnh Sơn.

Tháng 7/1995: Công ty chuyển trụ sở đến xã Iamônông, huyện ChuPảh, tỉnh Gia Lai tham gia xây dựng thủy điện Yaly.

Tháng 1/1996: Công ty xây dựng thủy điện Vĩnh Sơn được đổi tên thành Công ty xây dựng Sông Đà 5 (theo Quyết định số 04/BXD) và được xếp hạng doanh nghiệp loại 1, trụ sở đóng tại xã Iamônông, huyện ChưPăh, tỉnh Gia Lai.

Tháng 4/1999: trụ sở Công ty chuyển về Nhà G10, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tháng 4/2000: trụ sở Công ty chuyển đến Xã Thanh Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước để tham gia xây dựng nhà máy thủy điện Cần Đơn.

Tháng 5/2002: chuyển trụ sở ra thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia xây dựng công trình thủy điện Tuyên Quang và được đổi tên thành Công ty Sông Đà 5.

Ngày 04/11/2004: Công ty Sông Đà 5 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 5 theo Quyết định 1720/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ xây dựng.

Ngày 13/12/2006: Công ty cổ phần Sông Đà 5 được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 74/QĐ-TTGDCKHN của Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là: SD5

Năm 2007: Công ty chuyển trụ sở làm việc từ Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang đến Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La để tham gia xây dựng thủy điện Sơn La.

Năm 2013: Phát hành thêm 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 90.000.000.000 đồng lên 180.000.000.000 đồng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 43/NQ-SĐ5-DHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2011, ngày 07 tháng 7 năm 2011 Công ty cổ phần Sông Đà 5 đã chuyển trụ sở chính của Công ty từ Ít Ong, Mường La, Sơn La về Tầng 5, Tháp B tòa nhà HH4 khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội theo Nghị quyết số 75/SĐ5-NQ-HĐQT ngày 07/07/2011.

- + Đại hội cổ đông thành lập diễn ra vào ngày 17, 18/11/2004;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ nhất vào ngày 06/3/2006;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ hai vào ngày 17/4/2007;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ ba vào ngày 07/4/2008;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ tư vào ngày 24/4/2009;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ năm vào ngày 09/04/2010;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ sáu vào ngày 19/04/2011;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ bảy vào ngày 20/04/2012.
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ tám vào ngày 24/06/2013.

+ Dự kiến Đại hội cổ đông thường niên lần thứ chín vào ngày 25/4/2014.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là: 180.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ đồng chẵn./.

Trụ sở hiện tại của Công ty: Tầng 5, Tháp B tòa nhà HH4 khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty CP Sông Đà 5 hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0100886857 đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 16/09/2013 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp. Bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh vật liệu, vật tư xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng xe máy, thiết bị phụ tùng xây dựng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

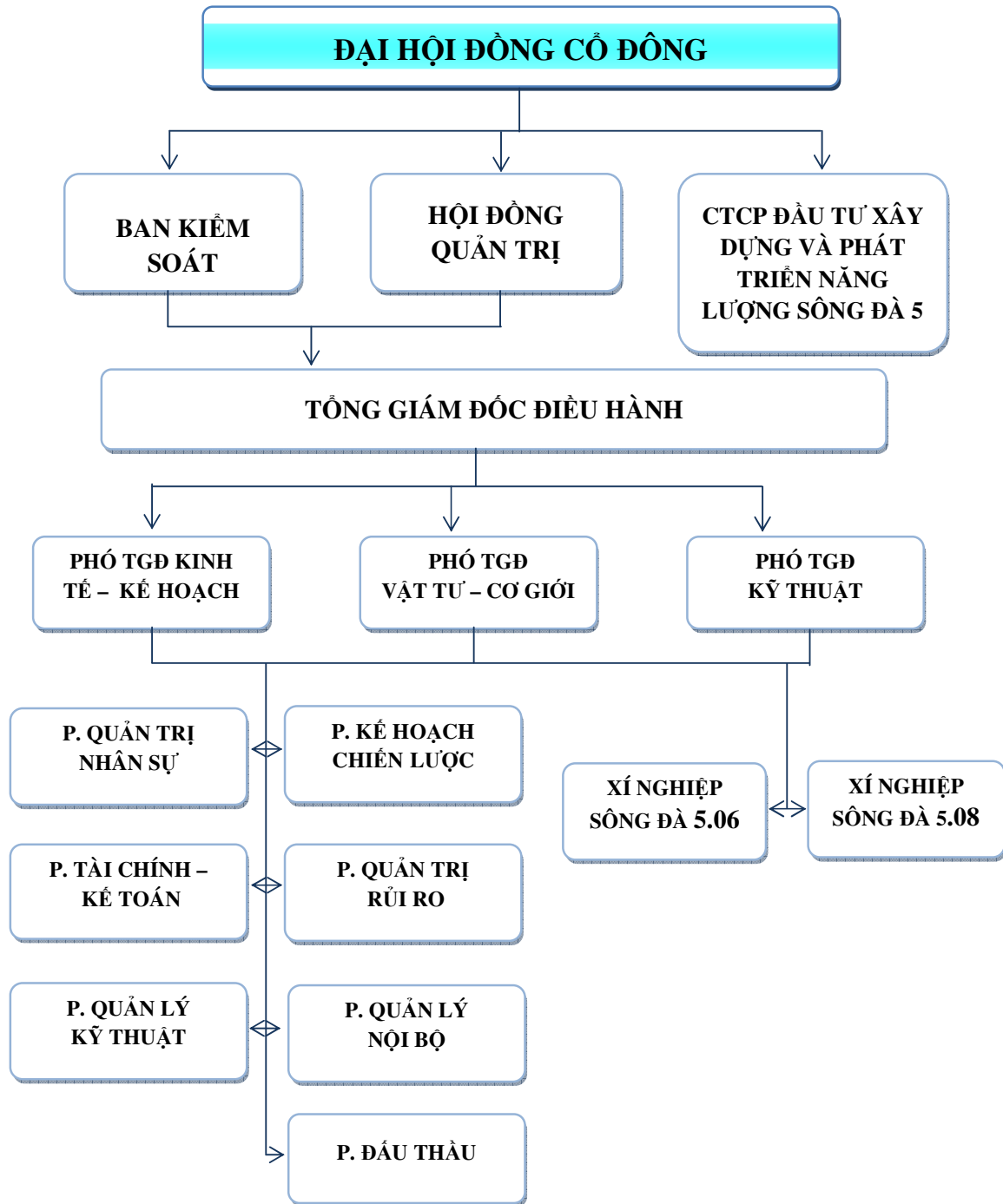
(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

Công ty CP Sông Đà 5 là công ty cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý: (Tính đến ngày 31/12/2013)



5. Định hướng phát triển

5.1. Định hướng:

Xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp xây dựng mạnh trong nước, lấy hiệu quả kinh tế xã hội, chất lượng sản phẩm làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Tổng thầu EPC các công trình thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân.

Tiếp tục xây dựng và phát triển mô hình Công ty mẹ - Công ty con, giữ vững Công ty CP Sông Đà 5 là một doanh nghiệp mạnh. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần vào sự phát triển của Tập đoàn Sông Đà.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty định hướng là tổng thầu xây dựng, tổng thầu EPC các công trình thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân.

- Tập trung các nguồn lực hoàn thành các dự án thủy điện đang triển khai, từng bước giảm dần chỉ tiêu doanh thu đối với xây dựng các công trình thủy điện lớn do tiềm năng về thủy điện lớn đã được khai thác gần hết. Tỷ trọng xây dựng thủy điện ở mức 93% doanh thu của Sông Đà 5 hiện nay sẽ giảm xuống còn 70% doanh thu vào năm 2015. Về phương pháp thực hiện, Sông Đà 5 ưu tiên đấu thầu, chào giá làm B phụ hoặc Tổng thầu xây dựng các thủy điện quy mô nhỏ để tận dụng và phát huy thiết bị sẵn có, con người và năng lực kinh nghiệm.

- Tăng cường tìm kiếm, đấu thầu để tham gia xây dựng các dự án trong lĩnh vực xây dựng: nhà máy nhiệt điện, điện hạt nhân và giao thông. Đến năm 2015 phần đầu tỷ trọng doanh thu trong lĩnh vực nhiệt điện, điện hạt nhân là 15% và giao thông là 10%, còn lại là các công trình xây dựng khác chiếm khoảng 5% tổng doanh thu Sông Đà 5.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Đối với tất cả các công trường mà Sông Đà 5 thi công đều trang bị hệ thống xử lý rác thải, thu gom rác đảm bảo chất lượng vệ sinh môi trường.

- Ngoài ra Sông Đà 5 nhiều năm qua đã thực hiện nhiều chương trình vì cộng đồng: như xây nhà tình nghĩa cho Cán bộ, ủng hộ các quỹ từ thiện, giúp đỡ vì người nghèo.

6. Rủi ro:

Trong tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu như hiện nay, Công ty đối mặt với rất nhiều thách thức và rủi ro từ:

- Chính sách tín dụng luôn thay đổi ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của Công ty.
- Do xây dựng các công trình có thời gian dài, đối với các hợp đồng không điều chỉnh giá thì giá nguyên vật liệu thay đổi ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Chính sách pháp luật thay đổi ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư của công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ VNĐ	1.345	2.412,83	179%
2	Doanh thu	Tỷ VNĐ	1.144,5	2.013,7	176%
3	Lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	67,2	79,4	118%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	55,5	58,8	106%
4	Mức cổ tức		15%	15%	100%

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	% TH/KH năm	Thực hiện so với năm trước (%)
1	Tổng giá trị SXKD	1.345	2.412,83	179	209
2	Doanh thu	1.144,5	2.013,7	176	196
3	Lợi nhuận trước thuế	67,2	79,4	118	215
4	Lợi nhuận sau thuế	55,5	58,8	106	193
5	Mức cổ tức dự kiến (%)	15%	15%	100	15%
6	Thu nhập bình quân	6,15	6,7	109	110

* Tổ chức và nhân sự:

1. Cơ cấu tổ chức của công ty

a. Hội đồng quản trị: 5 người

- Ông: Vũ Khắc Tiệp : Chủ tịch
- Ông: Võ Anh Linh : Thành viên
- Ông: Trần Văn Huyền : Thành viên
- Ông: Đỗ Quang Lợi : Thành viên
- Ông: Nguyễn Mạnh Toàn : Thành viên

b. Ban Kiểm soát: 3 người

- Ông: Lê Văn Sinh : Trưởng ban
- Ông: Lê Ngọc Minh : Thành viên
- Bà: Đỗ Thị Hương : Thành viên

c. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Ông: Trần Văn Huyền : Tổng Giám đốc
- Ông: Kim Thành Nam : Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Đỗ Quang Lợi : Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Nguyễn Mạnh Toàn : Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Tạ Quang Dũng : Kế toán trưởng

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

2.1 Ông Vũ Khắc Tiệp : Chủ tịch HĐQT Công ty

- Số Chứng minh thư nhân dân :113345273 do Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/9/2005.
- Giới tính :Nam
- Ngày tháng năm sinh :13/1/1957
- Quốc tịch: :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Phường Phúc La – TP. Hà Đông – Hà Tây
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng thủy điện
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1975 :- 11/1981	Bộ đội E2-F314 Quân khu 2	
12/1981 :- 11/1986	đại học xây dựng Hà Nội	Cán bộ đi học
12/1986 :- 12/1989	Công ty XD thủy công –	Khu trưởng

	Tổng công ty Sông Đà	
01/1990 -:- 03/1993	Công ty Thủy công – Vĩnh Sơn – Bình Định	Khu trưởng
04/1993 -:- 06/1995	Công ty XD thủy điện Yaly–Gia Lai	Phó giám đốc XN thủy công
07/1995 -:- 11/1997	Công ty XD Sông Đà 5– Thủy điện Yaly – Gia Lai	Giám đốc XN5.01
12/1997 -:- 05/2000	Công ty Sông Đà 5 -Yaly – Gia Lai	Phó giám đốc
06/2000 -:- 04/2001	Công ty XD Sông Đà 5	Phó phòng kỹ thuật chất lượng
05/2001 -:- 02/2003	XN Sông Đà 5.02 – Bình Phước	Phó giám đốc
03/2003 -:- 07/2003	Sông Đà 5.02 -Bình Phước	Phó GD Công ty Sông Đà 5 kiêm GD XN
08/2003 -:- 05/2005	Công ty Sông Đà 5- Na Hang – Tuyên Quang	Phó GD Công ty Sông Đà 5
06/2005 -:- 04/2009	Công ty CP Sông Đà 5	Ủy viên HĐQT Tổng giám đốc
04/2009 đến nay	Công ty cổ phần Sông Đà 5	Chủ tịch HĐQT

2.2 Ông Trần Văn Huyền : Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 5

- Số Chứng minh thư nhân dân : 113 235 332 Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 12/08/2004.
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/09/1968
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Trục Cường – Trục Ninh – Nam Định
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1987 -:- 03/1988	Công ty công trình ngầm – Tổng công ty Sông Đà	Công nhân thợ khoan

03/1988 -:- 12/1991	Đi xuất khẩu lao động tại Cộng Hòa IRAQ	
01/1992 -:- 06/1996	ĐH Bách Khoa Hà Nội	Sinh viên
07/1996 -:- 07/1999	Công ty XD Sông Đà 8	Đội trưởng Chi nhánh Hà Nam
07/1999 -:- 08/2003	Công ty cổ phần Sông Đà 5	Đội trưởng
09/2003 -:- 01/2008	CTCP Sông Đà 5	Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 5.04
02/2008 -:- 12/2008	Công ty CP Sông Đà 5	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 5.04
01/2009 -:- 04/2009	Công ty CP Sông Đà 5	Phó Tổng giám đốc
04/2009 đến nay	Công ty CP Sông Đà 5	Ủy viên HĐQT Tổng Giám đốc

2.3 Ông Nguyễn Mạnh Toàn : Ủy viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc

- Sổ Chứng minh thư nhân dân : 125120615 do CA tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/12/2000
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/01/1972
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Hoàn Sơn – Tiên Du – Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1995 -:- 09/1999	Công ty XD Sông Đà 5	Cán bộ kinh tế
09/1999 -:- 11/2002	Công ty Sông Đà 5	Phó phòng Kinh tế kế hoạch
12/2000 -:- 06/2003	Công ty Sông Đà 5	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch
07/2003 -:- 01/2007	Công ty Sông Đà 5	Phó Tổng giám đốc
04/2009 đến nay	Công ty CP Sông Đà 5	Ủy viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc

2.4 Ông Võ Anh Linh : Thành viên HĐQT độc lập

- Số Chứng minh thư nhân dân : 013569589 do CA Hà Nội cấp ngày 19/07/2012
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/09/1980
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Nhà 24, ngõ 84, phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài Chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 -:- 2004	Đại học Auckland	Sinh viên
2004 -:- 2007	Công ty kiểm toán Deloitte	Chuyên viên tư vấn cao cấp
2007 -:- 2011	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Thư ký Ban Tổng giám đốc
2012 -:- 2013	SCIC	Phó Ban Kế hoạch Tổng hợp
2013 đến Nay	SCIC	Phó Ban Kinh doanh
	Công ty cổ phần Sông Đà 5	Ủy viên HĐQT

2.5 Ông Đỗ Quang Lợi: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Số Chứng minh thư nhân dân : 113259283 do CA Hòa Bình cấp ngày 15/12/2003
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 28/12/1970
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Thành phố Hòa Bình – tỉnh Hòa Bình
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng cơ khí
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/1987 -:- 10/1988	trường công nhân kỹ thuật Việt Xô Sông Đà	Học viên
10/1998 -:- 10/1992	Công ty công trình ngầm – TCT	Công nhân

	Sông Đà	
10/1992 -:- 03/1996	Trường Cao đẳng ĐH Bách khoa Hà Nội	Sinh viên
04/1996 -:- 04/2000	Công ty XD Sông Đà 5	Nhân viên Phòng Vật tư – Cơ giới
04/2000 -:- 11/2000	Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 5.02	Phó phòng Vật tư cơ giới kiêm phó ban Vật tư cơ giới
04/2001 -:- 08/2003	Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 5.02 – Công ty XD Sông Đà 5	Trưởng ban Vật tư cơ giới
08/2003 -:- 07/2007	Công ty CP Sông Đà 5	Trưởng phòng Cơ giới vật tư
08/2007 đến nay	Công ty CP Sông Đà 5	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

2.6 Ông Kim Thành Nam : Phó Tổng Giám đốc

- Số Chứng minh thư nhân dân : 013 416 175 do CA Hà Nội cấp ngày 14/04/2001
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/03/1977
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 8, ngách 575/22 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 -:- 7/2010	Công ty CP thiết kế cầu đường thuộc Tổng công ty thiết kế Giao thông vận tải	Trưởng phòng
Từ 7/2010-:- 2/2012	Công ty CP Sông Đà Hà Nội	Trưởng phòng
02/2012 đến nay	Công ty CP Sông Đà 5	Phó Tổng giám đốc

2.7 Ông Tạ Quang Dũng : Kế toán trưởng

- Số Chứng minh thư nhân dân : 111543480 do CA Hà Nội cấp ngày 28/9/2001
- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 20/02/1981
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Kim Thư – Thanh Oai – Hà Tây
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2003 :- 09/2003	Công ty Sông Đà 5	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
10/2003 :- 12/2003	Công ty Sông Đà 5	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Sông Đà 5.01
01/2004 :- 12/2006	Công ty CP Sông Đà 5	Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán
01/2007 :- 03/2008	Công ty CP Sông Đà 5	Phó Kế toán trưởng
04/2008 đến nay	Công ty CP Sông Đà 5	Kế toán trưởng

2.8 Ông Lê Văn Sinh : Trưởng Ban kiểm soát

- Số Chứng minh thư nhân dân : 141915135 do CA Hải Dương cấp ngày 13/7/2006
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/06/1980
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tiền Tiến, Thanh Hà, Hải Dương
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2002 :- 02/2003	Ban Tài chính kế toán – XN Sông Đà	Nhân viên
03/2003 :- 11/2003	Phòng Tài chính Kế toán – CT Sông Đà 10	Nhân viên
12/2003 :- 03/2008	Xí nghiệp Sông Đà 10.6 –	Trưởng ban Tài chính Kế

	CTCP Sông Đà 10	toán
04/2008 đến nay	Ban điều hành DATĐ Sơn La – Tổng công ty Sông Đà	Trưởng phòng TCKT
	Công ty cổ phần Sông Đà 5	Trưởng Ban kiểm soát

2.9 Ông Lê Ngọc Minh : Thành viên Ban kiểm soát

Số Chứng minh thư nhân dân : 111821182 do công an Hà Tây cấp ngày 14/02/2006

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/02/1979
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : P. Văn Mỗ - Thị xã Hà Đông – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế xây dựng giao thông
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2001 :- 9/2003	Tổng công ty Sông Đà	Chuyên viên Phòng Kinh tế kế hoạch
09/2003 :- 05/2004	Ban điều hành dự án Thủy điện Cửa Đạt	Chuyên viên phòng Kinh tế kế hoạch
06/2004 :- 05/2006	Công ty CP Sông Đà 5	Phó phòng Kinh tế kế hoạch
06/2004 :- 12/2007	Công ty CP Sông Đà 5	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch
01/2008 :- 04/2009	Công ty CP Sông Đà 5 tại Hà Nội	Trưởng đại diện
05/2009 :- 10/2010	Công ty CP Sông Đà 5 tại Hà Nội	Giám đốc chi nhánh
10/2010 đến nay	Tổng công ty Sông Đà	Phó giám đốc ban kinh tế
	Công ty CP Sông Đà 5	Thành viên Ban kiểm soát

2.10 Bà: Đỗ Thị Hường : Thành viên Ban Kiểm soát

- Số Chứng minh thư nhân dân : 121318131 do CA Hà Bắc cấp ngày 01/08/1996
- Giới tính : Nữ

- Ngày tháng năm sinh : 24/03/1979
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Ngọc Quan – Lâm Thao – Lương Tài – Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2001 -:- 07/2003	Cơ quan Đại diện Tổng công ty Sông Đà tại miền Trung	Chuyên viên phòng Kinh tế kế hoạch
08/2003 -:- 05/2007	Ban điều hành dự án Thủy điện Pleikrông	Chuyên viên phòng Kinh tế kế hoạch
06/2007 -:- 08/2008	Công ty CP Sông Đà 5	Chuyên viên phòng Kinh tế kế hoạch
09/2008 -:- 12/2010	Công ty CP Sông Đà 5	Phó phòng Kinh tế kế hoạch
01/2011 đến nay	Tổng công ty Sông Đà	Chuyên viên ban pháp chế
	Công ty CP Sông Đà 5	Thành viên Ban kiểm soát

2.12 Thay đổi Ban Giám đốc điều hành trong năm: Không có

2.14 Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc: Theo quy định thang bảng lương doanh nghiệp hạng I và các quy định nội bộ do Công ty ban hành.

2.15 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

❖ **Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty năm 2013 là:** 1.596 người.

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

- Thực hiện trả lương và các chế độ khác cho người lao động theo Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế quản lý nội bộ do Công ty ban hành.

- Chú trọng xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu công nghệ thiết bị và quản lý tiên tiến hiện đại theo chương trình hành động Nghị quyết TW 6 khoá X về việc xây dựng nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mục đích đảm bảo nguồn nhân lực của Công ty, đủ số lượng, mạnh về thể chất; có tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ cao; có kiến thức kinh tế,

kỹ năng kinh doanh giỏi; hiểu biết pháp luật và thực hiện tốt chương trình văn hoá doanh nghiệp.

- Khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến, nâng cao năng suất lao động; đảm bảo uy tín về tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả trên tất cả các công trình mà đơn vị đảm nhận.

- Duy trì mối quan hệ hợp tác bình đẳng, thân thiện với các đơn vị trong cộng đồng Sông Đà; với khách hàng, đối tác. Không ngừng nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của cán bộ và công nhân lao động tạo động lực và mục tiêu phấn đấu cho việc xây dựng và phát triển đơn vị.

2.16 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:** Ngày 24/6/2013, Đại hội đồng cổ đông đã ra thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Xuân Tiêng. Bầu thay thế ông Võ Anh Linh giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoạt động bán chuyên trách (Nghị quyết số: 93/NQ-SD5-DHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 5).

- **Thay đổi Ban kiểm soát:** Không có

3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

* Các khoản đầu tư nâng cao năng lực và đầu tư tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Kế hoạch (10 ⁶ VNĐ)	Thực hiện năm 2013 (10 ⁶ VNĐ)	Tỷ lệ TH
I	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thi công		214.500	191.044	89%
II	Đầu tư tài chính + các dự án				
1	Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Tây Bắc			23.400	
2	Đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 7 - Cao Nguyên			10.000	

* Các công ty con, công ty liên kết:

1. Công ty con: Công ty CP Đầu tư, xây dựng và phát triển năng lượng Sông Đà 5:

a. Thông tin khái quát:

Ngày 20/08/2009 Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang có văn bản số 2798/UBND-NVKT về việc giao chủ đầu tư dự án thủy điện Sông Chảy 5 cho công ty CP Sông Đà 5. Theo đó, Công ty CP Đầu tư, xây dựng và phát triển năng lượng Sông Đà 5 (“Công ty”) được thành lập theo Nghị quyết các cổ đông sáng lập ngày 21/09/2009. Trong đó, Công ty CP Sông Đà 5 cam kết góp 85% vốn điều lệ và hai cổ đông khác là Công ty CP Sông Đà 505 cam kết góp 10% vốn điều lệ, Công ty CP tư vấn xây dựng và thương mại Tây Nguyên góp 5% vốn điều lệ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5100310438 ngày 07/10/2009. Thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 2 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Giang cấp ngày 28/12/2011. Giấy chứng nhận đầu tư số 1012100097 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010.

Vốn điều lệ của công ty là: 150.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn./.)

Công ty có trụ sở tại : Xã Thèn Phàng- huyện Xín Mần- tỉnh Hà Giang.

b. Lĩnh vực kinh doanh:

Đầu tư, xây lắp, sản xuất vật liệu và vận hành nhà máy thủy điện.

c. Ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư, xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật tư xây dựng, bê tông thương phẩm.
- Xử lý công trình bằng phương pháp khoan, nổ mìn.
- Xây dựng công trình đường bộ.
- Mua bán, nhập khẩu: vật tư, phụ tùng, thiết bị, xe máy thi công.
- Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
- Thăm dò địa chất, khai thác, chế biến và kinh doanh xuất khẩu khoáng sản, khai khoáng khác.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Sản xuất kim loại.
- Kinh doanh vận tải bằng đường bộ.

d. Tỷ lệ vốn góp của công ty CP Sông Đà 5: 85%

e. Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2013:

Tổng tài sản	: 399.768.612.400, đồng
Trong đó: - Tài sản ngắn hạn	: 10.434.876.774, đồng
- Tài sản dài hạn	: 389.333.735.626, đồng
Tổng nguồn vốn	: 399.768.612.400, đồng
Trong đó: - Nợ phải trả	: 266.107.578.110, đồng
- Vốn chủ sở hữu	: 133.661.034.290, đồng

2. Công ty liên kết: Công ty CP Sông Đà 505 (MCK S55)

a. Thông tin khái quát:

Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Sông Đà 505 thuộc Công ty Sông Đà 5 – Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 980/QĐ-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000041 ngày 09 tháng 8 năm 2004. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần hiệu chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần hiệu chỉnh gần nhất là vào ngày 27 tháng 11 năm 2009 với số chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 5900320629. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan

Vốn điều lệ: 24.960.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2013: 24.960.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 chiếm 32,61%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Xã Iao – Huyện Iagrai – Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 059. 3875711

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở thủy điện, thủy lợi, giao
- Xây dựng và vận hành đường dây, công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng, phụ kiện phục vụ xây dựng;

- Thi công khai thác đất đá bằng phương pháp khoan nổ mìn, xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình, kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị, phương tiện đo lường và thử nghiệm;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác cát, đá, sỏi;
- Kinh doanh bất động sản;
- Nhận ủy thác đầu tư, mua bán cổ phiếu.

b. Tình hình thay đổi tỷ lệ vốn góp vào Công ty CP Sông Đà 505 (S55)

- Vốn góp vào Công ty cổ phần Sông Đà 505 khi thành lập là:

3.570.000.000,đ /7.000.000.000đ tương đương 51% Vốn điều lệ.

- Vốn góp thêm năm 2008 do S55 phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1,28 là: 4.569.600.000,đ/17.960.000.000,đ tương đương 25,4% giá trị cổ phiếu phát hành thêm.

- Tỷ lệ sở hữu sau khi S55 tăng vốn là: 8.139.600.000,đ/24.960.000.000,đ tương đương 32,61% vốn điều lệ.

- Ngày 24/6/2013 Đại hội đồng cổ đông công ty đã ra Nghị Quyết thông qua việc tái cấu trúc Công ty trong đó thông qua việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Sông Đà 505: trong Quý III/2013, Công ty cổ phần Sông Đà 5 đã thực hiện việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Sông Đà 5.05 với số lượng 813.960 cổ phần, tổng giá trị thu về là 19.356.000.000 đồng (*Mười chín tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu đồng*).

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	: 18.000.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	: 18.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	: 18.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	: 0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 18.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	: 18.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	: 0

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VNĐ/1 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ : 0
- Số lượng cổ phiếu quỹ theo từng loại : 0

5.2 Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Loại cổ phần
1	Tổng Công ty Sông Đà	9.528.800	52,94	Phổ thông
2	Các cổ đông khác	8.471.200	47,06	Phổ thông
	Cộng	18.000.000	100	Phổ thông

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

* Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước

- **Tổng số cổ đông:** 1.452

Trong đó:

+ **Cá nhân:** 1.397 cổ đông

+ **Tổ chức:** 55 cổ đông

• Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Loại cổ phần
1	Tổng Công ty Sông Đà	9.528.880	52,94 %	Phổ thông

Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

* Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn nước ngoài

- **Tổng số cổ đông:** 26

Trong đó:

+ **Cá nhân:** 24 - nắm giữ 160.176 cổ phần, tương đương 0.52% VDL

+ **Tổ chức:** 2 - nắm giữ 116.800 cổ phần, tương đương 0.65 % VDL

* Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung: Không có cổ đông lớn

III. Báo cáo của Ban giám đốc: Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013

❖ Thuận lợi:

- Được tham gia các công trình lớn trọng điểm do Tổng Công ty Sông Đà làm tổng thầu;
- Thương hiệu và uy tín của Sông Đà 5 trên thị trường đã được khẳng định, được khách hàng và Chủ đầu tư đánh giá cao.
- Nhân lực, thiết bị thi công cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Khó khăn:

- Vốn điều lệ nhỏ so với quy mô sản xuất của Công ty, chính sách thắt chặt tiền tệ của hệ thống Ngân hàng, lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng cao;
- Giá thành vật tư đầu vào nguyên, nhiên vật liệu tăng cao.
- Thủ tục nghiệm thu thanh toán, ban hành đơn giá theo thời điểm thi công tại công trình thủy điện Lai Châu còn chậm, giá trị giữ lại lớn dẫn đến giá trị sản lượng dở dang của Công ty còn cao.

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ VNĐ	1.345	2.312,8	172%
1.1	Giá trị kinh doanh xây lắp	Tỷ VNĐ	665	793,14	119%
1.2	Giá trị phục vụ xây lắp	Tỷ VNĐ	680	1445,68	213%
1.3	Kinh doanh vật tư và CCDC + Hoạt động tài chính và hoạt động khác	Tỷ VNĐ		74,02	
2	Doanh thu	Tỷ VNĐ	1.144,5	2.013,7	176%
3	Lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	67,2	62,25	93%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	55,5	45,90	83%
4	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ	82,9	105,20	127%

5	Tỷ suất lợi nhuận				
-	Lợi nhuận cận biên (LN sau thuế / doanh thu)	%	4,8	2,3	48%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	61,7	25,5	41%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,7	11,6	85%
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,3	2,5	58%
6	Thu nhập bình quân /người /tháng	10⁶đồng	6,15	6,72	109%
7	Cổ tức dự kiến	%	15%	15%	100%
8	Khối lượng chủ yếu				
-	Đổ bê tông các loại	m ³	205.569	232.975	113%
-	GCLD cốt thép các loại	Tấn	7.313	5.974,27	82%
-	GCLD&TD cốp pha các loại	10 ³ m ²	70,60	85,77	121%
-	SX đá dăm các loại	m ³	370.000	756.800	205%
-	Sản xuất cát nhân tạo	m ³	156.000	190.000	122%
-	Sản xuất và vận chuyển vữa bê tông CVC	m ³	211.514	237.621	112%
-	Sản xuất và vận chuyển vữa bê tông RCC	m ³	975.000	1.000.005	103%

Đánh giá chi tiết việc thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2013:

2.1 Thủy điện Lai Châu: Giá trị sản lượng ước thực hiện năm 2013: 1.375 tỷ đồng/884,93 tỷ, đạt 155% KH năm.

*** Khối lượng thi công năm 2013:**

- Tổng khối lượng bê tông CVC: 132.325m³/143.916 m³, đạt 91% kế hoạch năm;
- Cốt thép các loại: 3.136 tấn /4.606 tấn, đạt 68% kế hoạch năm.
- Sản xuất đá dăm các loại: 410.732 m³/264.000 m³, đạt 156% kế hoạch năm.

- Sản xuất cát các loại: 189.999 m³/156.000 m³, đạt 122% kế hoạch năm.
- Sản xuất vữa bê tông RCC: 945.028 m³/975.000 m³, đạt 97% kế hoạch năm.

2.2 Thủy điện Đakrinh:

- Thi công bê tông nhà máy đảm bảo tiến độ của công trình.
- Sản xuất đá dăm đáp ứng yêu cầu thi công bê tông RCC.

2.3 Công trình Sông Bung 4:

- Triển khai thi công các hạng mục đảm bảo tiến độ hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư.

2.4 Nhà Quốc Hội:

- Thi công xong phần thân, hoàn thiện đạt yêu cầu và đảm bảo tiến độ hợp đồng ký kết.

2.5 Công trình khác: Triển khai các hạng mục công việc đảm bảo tiến độ hợp đồng ký kết.

2. Các mặt về quản lý điều hành:

3.1. Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp

a. Những mặt làm được:

- + Thực hiện đề án tái cấu trúc Công ty CP Sông Đà 5 giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015, trong đó sắp xếp lại các Phòng chức năng của Công ty theo Đề án được Tổng Công ty phê duyệt;
- + Thành lập các Phòng ban Công ty theo chức năng nhiệm vụ của đề án tái cấu trúc doanh nghiệp;
- + Định biên, sắp xếp lại bộ máy gián tiếp tại cơ quan công ty và các Đơn vị trực thuộc phù hợp với quy mô sản xuất thực tế tại các công trường, khu vực.
- + Tiến hành giải thể Chi nhánh Sông Đà 5.01. Thành lập mới và giải thể một số đội sản xuất để đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty tại từng công trình, dự án;
- + Thực hiện tăng vốn điều lệ Công ty từ 90 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu;
- + Thực hiện thoái toàn bộ vốn của Công ty tại công ty liên kết (Công ty CP Sông Đà 5.05) theo đề án tái cấu trúc;
- + Thực hiện việc góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần thủy điện Cao Nguyên Sông Đà, đồng thời cử cán bộ quản lý phần vốn của Công ty và trực tiếp tham gia vào bộ máy quản lý điều hành của doanh nghiệp.

b. Tồn tại:

- Việc sắp xếp lại các Đơn vị trực thuộc còn chậm, chưa theo kịp với yêu cầu và công tác quản lý.
- Việc xây dựng và Ban hành và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đề án tái cấu trúc doanh nghiệp chưa được kịp thời.

3.2. Công tác Kinh tế-kế hoạch:

a. Những mặt làm được:

- Phối hợp chặt chẽ với Ban nghiệp vụ Tổng công ty, các Ban điều hành, Ban quản lý trong việc trình duyệt định mức, đơn giá, dự toán và tổng dự toán các công trình: (Thủy điện Lai Châu, Hòa Na, Nậm Chiến).
- Ban hành đầy đủ định mức, đơn giá, giá thành phục vụ công tác quản lý nội bộ của Công ty.
- Xây dựng, hiệu chỉnh, ban hành quy chế lương khoán, chi phí quản lý doanh nghiệp cho các đơn vị trực thuộc.
- Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý cho các đơn vị trực thuộc. Đồng thời tiến hành đánh giá, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý của toàn Công ty, các đơn vị và các công trình để đưa ra những giải pháp điều hành, quản lý kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

b. Tồn tại:

- Việc hiệu chỉnh các định mức giao khoán nội bộ cho phù hợp với thực tế thi công của từng công trình chưa được kịp thời.
- Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh, công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định giao khoán, quyết toán giao khoán nhằm khắc phục những tồn tại trong quản lý, điều hành chưa đạt yêu cầu đề ra.

3.3. Công tác tài chính, tín dụng:

a. Những mặt làm được:

- Xây dựng kế hoạch thu vốn hàng tuần, tháng và quý, có giao nhiệm vụ cho từng cán bộ chịu trách nhiệm cụ thể, thường xuyên tiến hành kiểm điểm để tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện.
- Công tác đảm bảo vốn để đầu tư sản xuất: Trong năm 2013, Công ty đã thu xếp được nguồn vốn đảm bảo đủ phục vụ sản xuất kinh doanh. Tổng hạn mức được vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng là 930 tỷ đồng, hạn mức vay trung dài hạn là 283 tỷ đồng.

- Công ty đã sử dụng vốn hợp lý, cân đối nguồn tiền về phù hợp với lịch trả nợ ngân hàng. Đồng thời ưu tiên công tác thanh toán nợ đến hạn của các ngân hàng, trong đó có nhiều thời điểm thanh toán trước hạn và không có khoản vay nào bị quá hạn phải thanh toán.
- Thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Sông Đà 5.05, với tổng giá trị thực hiện là 19.356 triệu đồng.
- Thu xếp vốn để thực hiện đầu tư vào Công ty cổ phần Cao Nguyên Sông Đà 7 với số tiền là 10 tỷ đồng.
- Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính:
 - + Công tác kiểm toán 2013: Công ty đã mời kiểm toán độc lập có uy tín để tiến hành kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013.
 - + Minh bạch tài chính: Đơn vị đã thực hiện công bố thông tin định kỳ trên thị trường chứng khoán theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
 - + Kiểm toán nhà nước: Đã thực hiện xong việc kiểm toán năm 2012.

b. Tôn tại:

- Giá trị dở dang và công nợ phải thu từ các công trình còn lớn, đặc biệt là công trình Lai Châu. Nguyên nhân chính là do cơ chế thanh toán của Chủ đầu tư chưa hợp lý, giá trị tạm thanh toán thấp, đơn giá chưa phù hợp với thực tế. Ngoài ra, Công trình thủy điện Nậm chiến vẫn còn công nợ khá lớn.
- Vòng quay vốn thời gian qua đạt thấp, do vậy dư nợ tín, dụng của công ty tăng lên rất cao.
- Chỉ tiêu lợi nhuận đạt thấp so với doanh thu và sản lượng: Nguyên nhân chính là do chi phí tài chính, chi phí quản lý trong năm tăng cao.

3.4. Công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ, thiết bị và an toàn lao động:

a. Những mặt làm được:

- Công tác an toàn lao động:

- + Duy trì mạng lưới an toàn viên từ Công ty đến các Xí nghiệp, tổ đội sản xuất, thường xuyên kiểm tra đôn đốc an toàn,
- + Huấn luyện an toàn lao động, quan tâm và cấp đầy đủ trang thiết bị an toàn cho người lao động.

- Công tác kỹ thuật:

- + Thiết kế, chế tạo sử dụng công nghệ thi công cấp pha chống ngoài, cấp pha nhôm tại công trình thủy điện Lai Châu, Sông Bung 4: Làm tăng năng suất, thẩm mỹ công trình và giảm chi phí giá thành sản phẩm.

+ Phối hợp cùng tư vấn và chủ đầu tư giải quyết kịp thời các vướng mắc trong công tác thiết kế và biện pháp tổ chức thi công.

- Công tác Quản lý công nghệ, thiết bị:

+ Thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin vào phục vụ điều hành sản xuất tại các công trường như: Giao ban, họp và trao đổi trực tuyến giữa trụ sở Công ty tại Hà Nội và các Xí nghiệp tại các công trình thủy điện Lai Châu, Nậm Nơn, Sông Bung 4, mỏ đá Con Triá và Đà Nẵng được thông suốt.

+ Thực hiện ứng dụng phần mềm quản lý công việc của các Phòng chức năng qua Internet.

+ Bố trí hợp lý xe máy, thiết bị tại các công trường; cân đối điều chuyển xe máy, thiết bị kịp thời linh hoạt đảm bảo yêu cầu sản xuất.

+ Lắp đặt trạm trộn, trạm lạnh và băng tải vận chuyển vữa bê tông RCC đưa vào sử dụng phục vụ thi công công trình thủy điện Lai Châu đảm bảo đáp ứng tiến độ thi công công trình của chủ đầu tư;

+ Thực hiện việc bán thanh lý những xe máy thiết bị đã cũ hỏng, hết thời hạn sử dụng hoặc còn nhưng tiêu hao nhiên liệu cao, chi phí vận hành sửa chữa lớn và hoạt động có năng suất thấp.

b. Tồn tại:

- Công tác an toàn lao động: Ý thức chấp hành kỷ luật an toàn lao động của người lao động chưa cao, vẫn còn dễ xảy ra tai nạn lao động nặng, nghiêm trọng.

- Công tác vật tư: Còn lãng phí trong sử dụng vật tư vật liệu trong thi công.

- Công tác công nghệ, vật tư - thiết bị:

+ Một số thiết bị của Công ty đã sử dụng qua một thời gian dài đến nay đã cũ nát, hư hỏng nhiều dẫn đến chi phí sửa chữa trong quá trình vận hành quá cao.

+ Nguồn nhân lực cho công tác quản lý thiết bị chuyên ngành yếu và thiếu chưa chủ động trong việc nâng cao hiệu quả thiết bị.

3.5. Công tác đào tạo, tuyển dụng:

a. Những mặt làm được:

- Đã tổ chức các lớp học nâng cao trình độ cho các Cán bộ quản lý của toàn Công ty như: Quản trị sản xuất; Quản trị tài chính, tái cấu trúc và chuẩn hóa doanh nghiệp và Quản trị nguồn nhân lực. Cử cán bộ chủ chốt của Công ty đi học MBA về quản trị kinh doanh (7 người); Cử cán bộ đi học tập công nghệ thi công đường tàu điện Ngầm trong đô thị và học tập, trao đổi kinh nghiệm tại Singapore.

- Phối hợp với trường Cao đẳng nghề Việt Xô Sông Đà về việc đào tạo, thi sát hạch lực lượng cán bộ, công nhân để cử sang Nga học tập kinh nghiệm thi công điện hạt nhân.

b. Tồn tại:

- Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, thiếu kỹ năng chuyên môn (*trình độ ngoại ngữ kém, tư duy làm việc độc lập còn thiếu*), năng suất lao động còn chưa cao.

- Chưa thu hút được cán bộ công nhân có trình độ chuyên môn tay nghề cao.

3. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán năm 2013: Không có ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Công ty CP Sông Đà 5 có bề dày lịch sử hoạt động, là đơn vị có đủ sức mạnh nội lực về nguồn nhân lực, tài chính và đã chọn đúng chiến lược kinh doanh trong quá trình hoạt động.
- Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu suốt hơn 3 năm qua, nhưng công ty vẫn có thể đứng vững và vượt qua được cơn bão suy thoái, kế hoạch năm nay cao hơn năm trước và hoàn thành được các chỉ tiêu được giao, điều đó chứng minh sự vững vàng trong hoạch định chiến lược và đội ngũ CBCNV đều tay, triển khai Kế hoạch SXKD một cách tốt nhất.
- Tập thể HĐQT, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty CP Sông Đà 5 là một khối đoàn kết thống nhất từ ý chí đến hành động, tất cả đều chung tay xây dựng công ty phát triển vững mạnh

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty

- Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng Quý và theo yêu cầu, HĐQT thực hiện việc trao đổi, chất vấn các hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các chính sách và mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 phê duyệt. Tổng giám đốc báo cáo chi tiết về tiến độ, kế hoạch, những khó khăn, vướng mắc trong suốt quá trình thực hiện, trình bày ý kiến và xin chỉ đạo của HĐQT trực tiếp hoặc bằng văn bản để đưa ra giải pháp, kế hoạch thực hiện tối ưu nhất nhằm hoàn thành mục tiêu đã được Đại hội đề ra.
- Thông qua quá trình giám sát trực tiếp và kết quả SXKD năm 2013, HĐQT đánh giá Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình, quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, và các quy định pháp lý hiện hành.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Về định hướng phát triển doanh nghiệp:

- Xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp xây dựng mạnh trong nước, lấy hiệu quả kinh tế xã hội, chất lượng sản phẩm là thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Tổng thầu EPC các công trình thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân...
- Tập trung nguồn lực hoàn thành các dự án thủy điện đang triển khai, từng bước giảm dần chỉ tiêu doanh thu đối với xây dựng các công trình thủy điện lớn do tiềm năng về thủy điện lớn đã được khai thác gần hết. Tỷ trọng xây dựng thủy điện ở mức 93% doanh thu của Sông Đà 5 hiện nay sẽ giảm dần còn 70% doanh thu vào năm 2015. Về phương pháp thực hiện, Sông Đà 5 ưu tiên đấu thầu, chào giá làm B phụ hoặc tổng thầu xây dựng các thủy điện quy mô vừa và nhỏ để tận dụng và phát huy thiết bị sẵn có, con người và năng lực, kinh nghiệm. Đồng thời tìm kiếm thị trường tiềm năng ở các nước lân cận như Lào, Myanmar, Malaysia... duy trì doanh thu giai đoạn 2013 – 2015 ở mức 2.000 tỉ đồng.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013, xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015-2020. Xây dựng nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp hóa các chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban để tham gia nắm bắt và trực tiếp hỗ trợ giải quyết công việc tại các đơn vị trực thuộc. Tích hợp nguồn nhân lực bên trong và bên ngoài để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển.

3.2. Về Quản trị doanh nghiệp

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa, xây dựng cơ chế ưu đãi mang tính căn cơ, lâu dài hơn, triển khai áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp. Đồng thời tiếp tục xây dựng và phát huy môi trường cạnh tranh lành mạnh cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro tài chính; đánh giá, xem xét hiệu quả đầu tư, sử dụng vốn;
- Ưu tiên công tác phát triển đối tác, khách hàng, truyền thông, quảng cáo để mở rộng phạm vi kinh doanh và áp dụng khoa học công nghệ tiên bộ.
- Trên cơ sở không ngừng phát triển các ngành nghề truyền thống, tập trung đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân chuẩn bị nguồn lực để triển khai các dự án mới đối với công ty như: Xây dựng nhà máy điện hạt nhân, xây dựng công trình đường sắt trên cao...
- Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực thiết bị phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đặt ra;

- Tiếp tục công tác chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ, kỹ sư, công nhân viên; xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp, gắn quyền lợi người lao động với sự phát triển Công ty;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị :

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị :

- Ông: Vũ Khắc Tiệp : Chủ tịch
- Ông: Võ Anh Linh : Thành viên bán chuyên trách
- Ông: Trần Văn Huyền : Thành viên
- Ông: Đỗ Quang Lợi : Thành viên
- Ông: Nguyễn Mạnh Toàn : Thành viên

- Số lượng chứng khoán :

TT	Họ và tên	Số lượng sở hữu đầu năm	Số lượng mua trong năm	Số lượng bán trong năm	Số dư cuối năm	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Khắc Tiệp	622			622	0,0035%
2	Nguyễn Mạnh Toàn	400			400	0,0022%
3	Đỗ Quang Lợi	102			102	0,0006%
4	Trần Văn Huyền	36			36	0,0002%
5	Võ Anh Linh	0			0	0%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có

c. Hoạt động của HĐQT

- Năm 2013, HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 5 ngoài việc duy trì hoạt động theo điều lệ của Công ty tổ chức các phiên họp định kỳ hàng Quý, HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo thực hiện các vấn đề trọng tâm như:

- + Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công

- + Tái cấu trúc, chia tách sát nhập ,giải thể các phòng ban, chi nhánh, xí nghiệp nằm trong chương trình tái cấu trúc doanh nghiệp
 - + Triển khai nghị quyết đại HĐCĐ
 - + Phê duyệt, hoàn thiện bổ sung các qui chế , qui định thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị
 - + Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- HĐQT cũng thường xuyên bàn bạc, trao đổi với Ban kiểm soát với tư cách là giám sát viên, đại diện cho các cổ đông. Thông qua những ý kiến đóng góp khách quan của Ban kiểm soát, HĐQT cân nhắc trước khi đưa ra các quyết định. Do vậy, tất cả các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự đồng lòng, nhất trí của các thành viên HĐQT, lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty.
 - Kết thúc năm tài chính 2013, Dưới sự chỉ đạo của HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 5 cơ bản đã hoàn thành việc thực hiện các mục tiêu chính mà Đại hội đã đề ra, đồng thời xây dựng kế hoạch SXKD cho năm tới và những năm tiếp theo, thực hiện công tác chuẩn bị, tiến hành ĐHCĐ thường niên năm 2014. Bên cạnh đó, HĐQT cũng chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin ra thị trường chứng khoán một cách công khai, minh bạch theo đúng các quy định của Ủy ban chứng khoán và Sở Giao dịch chứng khoán.

d. Hội đồng quản trị: 4/5 đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

2. Ban kiểm soát :

a. Thành viên và cơ cấu:

- Ông: Lê Văn Sinh : Trưởng ban
- Ông: Lê Ngọc Minh : Thành viên
- Bà: Đỗ Thị Hương : Thành viên

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm những thành viên hoạt động kiêm nhiệm, công tác phân tán nhưng đã thường xuyên trao đổi thông tin với nhau về các hoạt động của đơn vị và về từng lĩnh vực được phân công.

- Thường xuyên yêu cầu Công ty cung cấp thông tin, tài liệu để kiểm soát tính hợp pháp và quá trình triển khai.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Các cuộc họp về kế hoạch SXKD năm 2012;

- Kiểm soát thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2013.

- Kiểm soát tình hình ban hành các văn bản quản lý nội bộ; Kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, các quy chế, quy định của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty;

- Xem xét Báo cáo tài chính các quý và năm 2013 do ông Tổng Giám đốc và Phòng Tài chính kế toán lập; Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập Công ty;

- Xem xét tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2013;

- Một số nội dung khác.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc:

a. Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 8 năm 2013 số 93/NQ-SĐ5-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2013.

Công ty CP Sông Đà 5 đã thực hiện việc chi trả lương và thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2012 như sau:

Bộ phận	Số lượng	Mức chi theo NQ ĐHĐCĐ	Thực tế chi	Chênh lệch
I.Hội đồng quản trị	5	906.000.000	906.000.000	
1. Chủ tịch HĐQT	1	420.000.000	420.000.000	
2. UV HĐQT chuyên trách	1	150.000.000	150.000.000	
2. UV HĐQT bán chuyên trách	1	48.000.000	48.000.000	
3.UV Hội đồng quản trị (Không chuyên trách)	3	288.000.000	288.000.000	
II. Ban kiểm soát	3	216.000.000	216.000.000	
1. Trưởng ban	1	96.000.000	96.000.000	
2. Thành viên	2	120.000.000	120.000.000	
III. Thư ký Công ty	1	72.000.000	51.738.293	20.261.707
Cộng:		1.194.000.000	1.173.738.293	20.261.707

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

c. Hợp đồng giao hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :

Trong năm 2013, Công ty CP Sông Đà 5 đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty, và thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty hàng quý, bán niên, hàng năm đến các nhà đầu tư.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán :

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH KPMG
- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty CP Sông Đà 5 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán :

- *Địa chỉ website công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất : songda5.com.vn*

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN;
- Các TV HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu HĐQT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Khắc Tiệp

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Sông Đà 5
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký

Kinh doanh số

0100886857

ngày 27 tháng 7 năm 2011

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100886857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 9 năm 2013.

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Khắc Tiệp
Ông Trần Văn Huyền
Ông Đỗ Quang Lợi
Ông Võ Anh Linh
Ông Phạm Xuân Tiêng
Ông Nguyễn Mạnh Toàn

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên *(từ 24 tháng 6 năm 2013)*
Thành viên *(đến 24 tháng 6 năm 2013)*
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Huyền
Ông Kim Thành Nam
Ông Nguyễn Mạnh Toàn
Ông Đỗ Quang Lợi

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Sinh
Bà Đỗ Thị Hương
Ông Lê Ngọc Minh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4
Khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình
Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Sông Đà 5
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 ("Công ty") và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Văn Huyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2014

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (“Công ty”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý người đọc tới Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (trước các điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được trình bày tại Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính hợp nhất) được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2013 do ảnh hưởng của các điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục tài sản cố định, chi phí khấu hao và chi phí phải trả do việc Công ty chưa ghi nhận tài sản cố định cho Nhà máy Thủy điện Sông Chảy 5 khi đã đưa vào sử dụng mà đã tạm trích khấu hao và theo dõi trên khoản mục chi phí phải trả.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-104-a



Đạm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Sông Đà 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.335.834.429.482	918.271.633.959
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	28.687.598.656	34.591.288.590
Tiền	111		28.687.598.656	34.591.288.590
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	-	46.594.012.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		-	79.997.748.144
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		-	(33.403.736.144)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	545.803.229.804	437.187.072.196
Phải thu khách hàng	131		390.743.519.185	345.569.124.175
Trả trước cho người bán	132		116.021.122.580	65.365.691.650
Các khoản phải thu khác	135		42.801.310.777	30.433.864.703
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.762.722.738)	(4.181.608.332)
Hàng tồn kho	140	8	734.574.870.753	379.231.878.107
Hàng tồn kho	141		734.574.870.753	379.231.878.107
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.768.730.269	20.667.383.066
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		807.920.000	809.991.214
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.994.868.144	10.753.904.946
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.965.942.125	9.103.486.906

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		772.639.791.889	624.672.722.630
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	51.518.935.000	55.098.900
Phải thu dài hạn khác	218		51.518.935.000	55.098.900
Tài sản cố định	220		614.925.110.177	548.093.663.373
Tài sản cố định hữu hình	221	9	614.911.677.593	148.590.207.875
Nguyên giá	222		1.364.019.089.372	737.992.939.058
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(749.107.411.779)	(589.402.731.183)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		1.104.763.000	1.104.763.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.104.763.000)	(1.104.763.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	13.432.584	399.503.455.498
Bất động sản đầu tư	240		2.706.972.477	3.441.066.708
Nguyên giá	241		4.588.088.943	4.588.088.943
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.881.116.466)	(1.147.022.235)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	23.620.090.536	49.446.840.121
Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	26.377.840.121
Đầu tư dài hạn khác	258		56.400.000.000	23.069.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(32.779.909.464)	-
Tài sản dài hạn khác	260		79.868.683.699	23.636.053.528
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	76.660.520.268	20.129.624.237
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		3.208.163.431	3.506.429.291
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.108.474.221.371	1.542.944.356.589

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.710.618.013.335	1.142.012.832.842
Nợ ngắn hạn	310		1.365.009.719.800	854.565.051.356
Vay ngắn hạn	311	13	828.561.427.853	427.590.779.281
Phải trả người bán	312	14	307.718.054.960	179.825.837.390
Người mua trả tiền trước	313		63.037.967.461	46.544.580.419
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	32.990.533.329	33.799.503.315
Phải trả người lao động	315		43.139.266.746	26.616.948.585
Chi phí phải trả	316	16	15.728.002.081	23.065.778.198
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	17	67.377.838.194	108.530.245.149
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		6.456.629.176	8.591.379.019
Vay và nợ dài hạn	330		345.608.293.535	287.447.781.486
Vay dài hạn	334	18	345.608.293.535	287.447.781.486
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		381.816.883.921	383.698.559.195
Vốn chủ sở hữu	410	19	381.816.883.921	383.698.559.195
Vốn cổ phần	411	20	180.000.000.000	90.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		26.115.470.000	116.115.470.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	112.292.330.378	109.845.870.566
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	22.500.000.000	22.500.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		9.000.000.000	8.057.588.898
Lợi nhuận chưa phân phối	420		31.909.083.543	37.179.629.731
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		16.039.324.115	17.232.964.552
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		2.108.474.221.371	1.542.944.356.589

Người lập:



Chu Quỳnh Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Tạ Quang Dũng
Kế toán trưởng




Trần Văn Huyền
Tổng Giám đốc

26 -03- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sông Đà 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu	01	23	2.043.534.962.801	1.029.449.043.319
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	4.657.456.745	922.692.447
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	2.038.877.506.056	1.028.526.350.872
Giá vốn hàng bán	11	24	1.754.483.460.382	815.431.016.234
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		284.394.045.674	213.095.334.638
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.443.035.057	2.213.829.053
Chi phí tài chính	22	26	173.216.449.852	116.540.113.987
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>130.537.191.771</i>	<i>82.919.063.750</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		76.616.104.747	77.821.280.321
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22- 25)	30		37.004.526.132	20.947.769.383
Thu nhập khác	31	27	10.841.212.354	10.747.710.951
Chi phí khác	32		4.572.755.900	1.324.781.342
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.268.456.454	9.422.929.609
Phần lợi nhuận của công ty liên kết mà Công ty được chia sẻ	45		2.805.006.674	4.202.368.091

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sông Đà 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		46.077.989.260	34.573.067.083
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	20.641.107.084	6.209.188.777
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	28	298.265.860	(993.590.211)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		25.138.616.316	29.357.468.517
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		(1.960.675.885)	-
Cổ đông của Công ty	62		27.099.292.201	29.357.468.517
Lãi trên cổ phiếu		29		Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.506	1.631

Người lập:

[Signature]

Chu Quỳnh Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

[Signature]

Tạ Quang Dũng
Kế toán trưởng



Trần Văn Huyền
Tổng Giám đốc

26-03-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.663.023.433.413	797.920.175.736
Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.460.366.251.524)	(720.369.364.679)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(99.938.104.646)	(129.194.826.257)
Tiền chi trả lãi vay	04		(129.389.939.290)	(81.652.591.774)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(11.962.828.248)	(5.637.407.452)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		819.368.982.713	269.729.704.993
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(841.576.385.939)	(187.229.943.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(60.841.093.521)	(56.434.253.375)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(343.491.640.749)	(142.744.157.666)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		9.431.451.299	11.822.482.046
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(10.000.000.000)	(79.997.748.144)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		19.355.543.070	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		328.626.027	2.213.829.053
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(324.376.020.353)	(208.705.594.711)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		693.037.236	-
Tiền vay nhận được	33		1.668.396.247.761	769.997.074.199
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.268.208.126.656)	(548.756.274.221)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.567.320.760)	(16.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		379.313.837.581	205.040.799.978
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(5.903.276.293)	(60.099.048.108)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		34.591.288.590	94.691.640.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(413.641)	(1.303.953)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	28.687.598.656	34.591.288.590

Người lập:



Chu Quỳnh Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Tạ Quang Dũng
Kế toán trưởng



Trần Văn Huyền
Tổng Giám đốc

26 -03- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Tiền thân của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 là Công ty Sông Đà 5 trực thuộc Tổng Công ty Sông Đà được chuyển đổi theo Quyết định số 1720/QĐ-BXD ngày 4 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt;
- Thi công bằng phương pháp khoan, nổ mìn;
- Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh điện, vật liệu, vật tư xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng xe máy thiết bị, phụ kiện xây dựng;
- Đầu tư, xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Mua, bán, nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị, xe máy thi công; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một công ty con (31/12/2012: một công ty con và một công ty liên kết) chi tiết như sau:

	Lợi ích và quyền biểu quyết	
	31/12/2013	31/12/2012
Công ty con		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Sông Đà 5	88,00%	88,10%
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	32,61%

Các công ty con và công ty liên kết này được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty và công ty con có 1.704 nhân viên (31/12/2012: 1.881 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty đó. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 năm
-----------	-------

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng trả trước bao gồm tiền thuê văn phòng trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng văn phòng thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 47 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Ngày 14 tháng 8 năm 2003, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2003/TT-BTC (“Thông tư 82”) hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp. Theo đó, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm dùng để chi trợ cấp thôi việc và được trích lập ở mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và công ty con trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Thông tư 82.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty, công ty con và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty và công ty con không phải trả dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Tổng Giám đốc Công ty và công ty con tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Công ty và công ty con đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Nếu Công ty và công ty con trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18, *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*, dự phòng trợ cấp thôi việc sẽ phải được trích lập dựa trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty và công ty con.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty và công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Công ty và công ty con phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty và công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty và công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty và công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Công ty và công ty con phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắn chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên quan và các bên liên quan khác theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 – *Thông tin về các bên liên quan*.

Các công ty liên quan bao gồm công ty liên kết, công ty mẹ (Tổng Công ty Sông Đà) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Điều chỉnh số liệu so sánh theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước

Trong năm 2013, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được thực hiện trong năm 2013 và do đó làm thay đổi một số khoản mục của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh nói trên được tổng hợp dưới đây:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2012 VND Theo báo cáo trước đây	VND Điều chỉnh	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu khách hàng	345.320.583.230	248.540.945	345.569.124.175
Trả trước cho người bán	67.577.547.166	(2.211.855.516)	65.365.691.650
Các khoản phải thu khác	30.170.437.506	263.427.197	30.433.864.703
Hàng tồn kho	379.469.952.733	(238.074.626)	379.231.878.107
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	399.272.702.195	230.753.303	399.503.455.498
Vay ngắn hạn	402.794.279.281	24.796.500.000	427.590.779.281
Người mua trả tiền trước	46.545.990.419	(1.410.000)	46.544.580.419
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	33.019.412.905	780.090.410	33.799.503.315
Chi phí phải trả	21.568.552.919	1.497.225.279	23.065.778.198
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	109.966.294.621	(1.436.049.472)	108.530.245.149
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	8.817.879.019	(226.500.000)	8.591.379.019
Vay dài hạn	312.244.281.486	(24.796.500.000)	287.447.781.486
Lợi nhuận chưa phân phối	39.500.194.645	(2.320.564.914)	37.179.629.731

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2012 VND Theo báo cáo trước đây	VND Điều chỉnh	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu	1.029.221.815.187	227.228.132	1.029.449.043.319
Giá vốn hàng bán	813.936.274.226	1.494.742.008	815.431.016.234
Chi phí tài chính	115.273.642.011	1.266.471.976	116.540.113.987
Lợi nhuận trước thuế	37.107.052.935	(2.533.985.852)	34.573.067.083
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.422.609.715	(213.420.938)	6.209.188.777
Lợi nhuận sau thuế TNDN	31.678.033.431	(2.320.564.914)	29.357.468.517

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xây dựng công nghiệp: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình ngầm dưới đất, dưới nước, công trình đường bộ, xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt, thi công bằng phương pháp khoan, nổ mìn.
- Kinh doanh điện: Đầu tư, xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ và khai thác, sản xuất, kinh doanh điện.

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài
Doanh thu thuần giữa các bộ phận

Tổng doanh thu của bộ phận

Kết quả kinh doanh của bộ phận

Thu nhập khác

Chi phí khác

Phần lãi của công ty liên kết mà Công ty được chia sẻ

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế

	Xây dựng công nghiệp VND	Kinh doanh điện VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
1.991.839.767.343	47.037.738.713	-	-	2.038.877.506.056
387.274.353	-	(387.274.353)	-	-
1.992.227.041.696	47.037.738.713	(387.274.353)	2.038.877.506.056	
75.439.675.444	(17.633.808.592)	(20.801.340.720)	37.004.526.132	
7.867.522.871	2.973.689.483	-	10.841.212.354	
(3.845.066.660)	(1.678.846.601)	951.157.361	(4.572.755.900)	
2.805.006.674	-	-	2.805.006.674	
(20.641.107.084)	-	-	(20.641.107.084)	
(298.265.860)	-	-	(298.265.860)	
61.327.765.385	(16.338.965.710)	(19.850.183.359)	25.138.616.316	

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Xây dựng công nghiệp VND	Kinh doanh điện VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Tài sản của bộ phận	1.853.375.495.939	399.768.612.400	(144.669.886.968)	2.108.474.221.371
Tổng tài sản	1.853.375.495.939	399.768.612.400	(144.669.886.968)	2.108.474.221.371
Nợ phải trả của bộ phận	1.446.968.517.722	266.107.578.110	(2.458.082.497)	1.710.618.013.335
Tổng nợ phải trả	1.446.968.517.722	266.107.578.110	(2.458.082.497)	1.710.618.013.335
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Chi tiêu vốn	251.518.589.162	22.568.726.415	(3.400.975.273)	270.686.340.304
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	(180.281.157.843)	(21.577.790.019)	4.603.435.477	(197.255.512.385)

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Xây dựng công nghiệp VND Đã điều chỉnh lại	Kinh doanh điện VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	1.003.772.064.678	24.754.286.194	-	1.028.526.350.872
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	9.889.959.846	-	(9.889.959.846)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.013.662.024.524	24.754.286.194	(9.889.959.846)	1.028.526.350.872
Kết quả kinh doanh của bộ phận	24.922.130.230	-	(3.974.360.847)	20.947.769.383
Thu nhập khác	10.747.710.951	546.210.206	(546.210.206)	10.747.710.951
Chi phí khác	(1.324.781.342)	(546.210.206)	546.210.206	(1.324.781.342)
Phần lãi của công ty liên kết mà Công ty được chia sẻ	4.202.368.091	-	-	4.202.368.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(6.209.188.777)	-	-	(6.209.188.777)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	993.590.211	-	-	993.590.211
Lợi nhuận thuần sau thuế	33.331.829.364	-	(3.974.360.847)	29.357.468.517

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Xây dựng công nghiệp VND	Kinh doanh điện VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
	Đã điều chỉnh lại			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Tài sản của bộ phận	1.227.606.495.451	409.379.282.485	(120.419.261.468)	1.516.566.516.468
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	26.377.840.121	-	-	26.377.840.121
Tổng tài sản	1.253.984.335.572	409.379.282.485	(120.419.261.468)	1.542.944.356.589
Nợ phải trả của bộ phận	877.417.414.451	290.146.317.933	(25.550.899.542)	1.142.012.832.842
Tổng nợ phải trả	877.417.414.451	290.146.317.933	(25.550.899.542)	1.142.012.832.842
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Chi tiêu vốn	72.203.420.660	160.029.245.369	(16.619.140.716)	215.613.525.313
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	(45.647.329.759)	(2.284.405.007)	992.306.752	(46.939.428.014)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	8.290.208.882	3.674.736.211
Tiền gửi ngân hàng	20.397.389.774	30.916.552.379
	28.687.598.656	34.591.288.590

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu từ công ty mẹ		
Thương mại	315.107.447.956	224.807.506.979
Phi thương mại	-	27.717.020.273
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Thương mại	32.455.539.845	29.990.020.080

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể yêu cầu thanh toán khi có nhu cầu.

Các khoản phải thu phi thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể yêu cầu thanh toán khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu Ban Điều hành Thủy điện Sơn La	27.717.020.273	27.717.020.273
Phải thu Ban Điều hành Thủy điện Lai Châu	11.577.056.000	-
Phải thu khác	3.507.234.504	2.716.844.430
	42.801.310.777	30.433.864.703

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Nguyên vật liệu	82.312.356.840	39.529.621.674
Công cụ và dụng cụ	956.160.702	6.075.739.373
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	651.306.353.211	333.626.517.060
	734.574.870.753	379.231.878.107

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị vấn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.992.577.273	663.965.364.000	67.568.716.672	4.466.281.113	737.992.939.058
Tăng trong năm	172.727.273	16.794.957.226	13.224.476.941	842.662.728	31.034.824.168
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	288.062.235.895	351.079.303.155	-	-	639.141.539.050
Thanh lý	(103.466.667)	(29.832.671.642)	(11.229.440.313)	(279.298.209)	(41.444.876.831)
Phân loại lại (*)	(309.619.048)	(863.027.187)	(343.140.088)	(1.189.549.750)	(2.705.336.073)
Số dư cuối năm	289.814.454.726	1.001.143.925.552	69.220.613.212	3.840.095.882	1.364.019.089.372
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	847.448.760	541.827.748.858	45.414.934.644	1.312.598.921	589.402.731.183
Khấu hao trong năm	14.897.535.774	174.415.623.889	6.600.343.552	607.914.939	196.521.418.154
Thanh lý	(103.466.667)	(28.520.247.780)	(10.659.112.851)	(247.780.760)	(39.530.608.058)
Phân loại lại (*)	(285.102.393)	(546.980.326)	(273.173.934)	(907.539.515)	(2.012.796.168)
Khác	2.450.588.107	2.276.078.561	-	-	4.726.666.668
Số dư cuối năm	17.807.003.581	689.452.223.202	41.082.991.411	765.193.585	749.107.411.779
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.145.128.513	122.137.615.142	22.153.782.028	3.153.682.192	148.590.207.875
Số dư cuối năm	272.007.451.145	311.691.702.350	28.137.621.801	3.074.902.297	614.911.677.593

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 136.724 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 474.288 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 551.296 triệu VND (31/12/2012: 70.345 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	399.503.455.498	222.347.912.170
<i>Tăng trong năm – đã báo cáo trước đây</i>	-	<i>179.183.405.031</i>
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)</i>	-	<i>230.753.303</i>
Tăng trong năm – điều chỉnh lại	239.651.516.136	179.414.158.334
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(639.141.539.050)	(2.258.615.006)
Số dư cuối năm	13.432.584	399.503.455.498

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vốn dài hạn tại:

▪ Công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (*)

Đầu tư dài hạn khác (**)

- Công ty CP ĐT&PT Điện Tây Bắc
- Công ty CP Sắt Thạch Khê
- Công ty CP ĐT&PT Khu kinh tế Hải Hà
- Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7

	31/12/2013			31/12/2012		
	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số tiền đã đầu tư VND	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số tiền đã đầu tư VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn						
			56.400.000.000			23.069.000.000
			(32.779.909.464)			-
			23.620.090.536			49.446.840.121

(*) Công ty đã bán toàn bộ khoản đầu tư vào công ty liên kết này ngày 30 tháng 8 năm 2013.

(**) Đây là các khoản đầu tư vốn dài hạn với tỷ lệ vốn góp dưới 20% vốn điều lệ của các công ty này.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Đầu tư ngắn hạn:				
▪ Cổ phiếu Sudico	-	-	2.137.340	79.997.748.144
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	(33.403.736.144)
	-	-	2.137.340	46.594.012.000

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	33.403.736.144	-	-	-
Tăng dự phòng trong năm	-	33.403.736.144	32.779.909.464	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(33.403.736.144)	-	-	-
Số dư cuối năm	-	33.403.736.144	32.779.909.464	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thuê văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	18.875.925.956	1.253.698.281	-	20.129.624.237
Tăng trong năm	-	70.321.831.749	1.540.711.813	71.862.543.562
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	-	677.063.701	15.476.204	692.539.905
Phân bổ trong năm	(446.734.044)	(15.440.180.665)	(137.272.727)	(16.024.187.436)
Số dư cuối năm	18.429.191.912	56.812.413.066	1.418.915.290	76.660.520.268

(*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình trong năm (Thuyết minh 9). Giá trị còn lại của các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu VND được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****13. Vay ngắn hạn**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Vay ngắn hạn	748.332.456.853	402.794.279.281
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	80.228.971.000	24.796.500.000
	828.561.427.853	427.590.779.281

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	15% - 22%	-	7.410.000.000
Khoản vay ngân hàng 2	VND	11% - 11,5%	79.993.095.954	87.281.168.831
Khoản vay ngân hàng 3	VND	15% - 17%	-	38.909.297.610
Khoản vay ngân hàng 4	VND	14% - 18%	-	28.150.000.000
Khoản vay ngân hàng 5	VND	9,7% - 11,8%	412.762.549.537	103.295.204.055
Khoản vay ngân hàng 6	VND	10% - 12,5%	255.576.811.362	137.748.608.785
			748.332.456.853	402.794.279.281

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản có giá trị ghi sổ là 10.975 triệu VND (31/12/2012: 27.377 triệu VND).

14. Phải trả người bán

Bao gồm trong phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các công ty liên quan	206.221.112.737	56.706.199.962

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	15.044.208.329	23.540.679.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.968.652.004	1.717.163.909
Thuế thu nhập cá nhân	3.407.107.297	4.771.285.479
Thuế nhà thầu	355.678.652	116.820.552
Thuế tài nguyên	214.887.047	3.241.675.777
Các khoản phải nộp khác		
Phí, lệ phí	-	411.878.000
	32.990.533.329	33.799.503.315

16. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	2.384.670.682	1.497.225.279
Chi phí vận chuyển công trình thủy điện Lai Châu	-	2.304.143.601
Chi phí phải trả nhà thầu phụ công trình thủy điện Nậm Nơn	12.494.339.299	14.537.742.650
Chi phí khác	848.992.100	4.726.666.668
	15.728.002.081	23.065.778.198

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****17. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Kinh phí công đoàn	5.952.488.483	5.763.559.064
Phải trả chi phí bảo hiểm	396.436.883	3.879.842.137
Đặt cọc tham gia đấu thầu	90.000.000	90.000.000
Hỗ trợ vốn hoạt động từ Tập đoàn Sông Đà	-	63.027.288.615
Quỹ Sông Đà	3.187.178.111	2.891.999.289
Phải trả tạm nhập vật tư	52.509.218.290	30.977.314.727
Cổ tức	192.560.140	134.513.500
Các khoản phải trả khác	5.049.956.287	1.765.727.817
	67.377.838.194	108.530.245.149

Bao gồm trong các khoản phải trả khác có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Phải trả công ty mẹ	2.873.112.671	65.669.080.800
Phải trả các công ty liên quan	43.968.242.731	12.358.043.111

Khoản phải trả công ty mẹ và các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****18. Vay dài hạn**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Vay dài hạn		
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	425.837.264.535 (80.228.971.000)	312.244.281.486 (24.796.500.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	345.608.293.535	287.447.781.486

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	14% - 15%	2014 - 2015	28.355.214.282	47.359.214.282
Khoản vay ngân hàng 2	VND	12% - 15,6%	2014 - 2015	157.504.165.052	18.309.990.004
Khoản vay ngân hàng 3	VND	12,5% - 14%	2014 - 2016	14.106.849.601	17.674.041.600
Khoản vay ngân hàng 4	VND	12.5% - 15%	2014 - 2015	225.871.035.600	228.901.035.600
				425.837.264.535	312.244.281.486

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị ghi sổ là 540.321 triệu VND (31/12/2012: 42.968 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2012	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – đã báo cáo trước đây</i>							
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)</i>	-	-	-	-	-	31.678.033.431	31.678.033.431
Lợi nhuận thuần trong năm – điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	(2.320.564.914)	(2.320.564.914)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	29.357.468.517	29.357.468.517
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	4.314.323.980	3.079.310.811	1.614.910.759	(9.008.545.550)	-
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(8.397.535.946)	(8.397.535.946)
Tăng khác	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)	(16.200.000.000)
						1.912.120.595	1.912.120.595
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2013 – điều chỉnh lại	90.000.000.000	116.115.470.000	109.845.870.566	22.500.000.000	8.057.588.898	37.179.629.731	383.698.559.195
<i>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2013 – đã báo cáo trước đây</i>							
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)</i>	-	-	-	-	-	39.500.194.645	386.019.124.109
Phát hành cổ phiếu	90.000.000.000	(90.000.000.000)	-	-	-	(2.320.564.914)	(2.320.564.914)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.446.459.812	-	942.411.102	27.099.292.201	27.099.292.201
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.388.870.914)	-
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(7.379.685.657)	(7.379.685.657)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
						(1.281.818)	(1.281.818)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	180.000.000.000	26.115.470.000	112.292.330.378	22.500.000.000	9.000.000.000	31.909.083.543	381.816.883.921

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	18.000.000	180.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	9.000.000	90.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	18.000.000	180.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000

21. Cổ tức

Ngày 24 tháng 6 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 21.600 triệu VND (tương đương 2.400 VND trên một cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 (31/12/2012: 16.200 triệu VND, tương đương 1.800 VND trên một cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Sông Đà 5
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 93/NQ-SĐ5-ĐHCD ngày 24 tháng 6 năm 2013, Công ty đã trích lập 2.446 triệu VND từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2012 vào Quỹ Đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

23. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.289.017.904.848	212.939.559.229
▪ Cung cấp dịch vụ	52.492.551.374	70.072.732.941
▪ Hợp đồng xây dựng	702.024.506.579	746.436.751.149
	2.043.534.962.801	1.029.449.043.319
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(4.657.456.745)	(922.692.447)
Doanh thu thuần	2.038.877.506.056	1.028.526.350.872

24. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Hàng hoá đã bán	1.108.640.078.075	159.214.315.699
Dịch vụ đã cung ứng	48.535.306.256	66.861.772.972
Hợp đồng xây dựng	597.308.076.051	589.354.927.563
	1.754.483.460.382	815.431.016.234

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	314.183.008	525.598.794
Cổ tức được chia	-	1.627.920.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	516.069.342	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.612.782.707	60.310.259
	2.443.035.057	2.213.829.053

26. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	130.537.191.771	82.919.063.750
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	203.044.743	217.314.093
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	32.779.909.464	33.403.736.144
Lãi do thanh lý cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	(420.872.000)	-
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết (*)	9.827.303.725	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	289.872.149	-
	173.216.449.852	116.540.113.987

(*) Tại ngày 30 tháng 8 năm 2013, Công ty đã thanh lý phần vốn cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (“Công ty CP Sông Đà 505”).

Giao dịch thanh lý này chi tiết như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm bán VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết tại ngày thanh lý	29.182.846.795
Tiền thu được từ thanh lý	19.355.543.070
Lỗ từ việc thanh lý	9.827.303.725

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****27. Thu nhập khác**

	2013 VND	2012 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	7.911.986.507	3.945.227.271
Thu nhập khác	2.929.225.847	6.802.483.680
	10.841.212.354	10.747.710.951

28. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế hiện hành Năm hiện hành	20.641.107.084	6.209.188.777
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	298.265.860	(993.590.211)
Chi phí thuế thu nhập	20.939.372.944	5.215.598.566

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận trước thuế	46.077.989.260	34.573.067.083
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.519.497.315	8.643.266.771
Ưu đãi thuế	-	(2.446.459.812)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	2.450.844.857	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trừ vào phần lợi nhuận của công ty liên kết mà Công ty được chia sẻ	(701.251.669)	(1.050.592.023)
Ảnh hưởng từ lỗ trong năm của công ty con	1.633.896.571	-
Ảnh hưởng từ lỗ do thanh lý công ty liên kết	5.260.811.699	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	775.574.171	69.383.630
	20.939.372.944	5.215.598.566

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Sông Đà 5, công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2012) và 25% trong những năm tiếp theo. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Sông Đà 5 được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, theo đó mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất sẽ giảm từ 25% xuống 22% cho các năm 2014 và 2015, và xuống 20% kể từ năm 2016.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông	27.099.292.201	29.357.468.517

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013	2012 (theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	9.000.000	9.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 9 tháng 8 năm 2013	9.000.000	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	18.000.000	9.000.000

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2013 VND	2012 VND (theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông	27.099.292.201	29.357.468.517
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	18.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.506	3.262

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(iv) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trong năm 2013, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần của Công ty. Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	9.000.000	3.262
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc tăng vốn điều lệ trong năm 2013 từ thặng dư vốn cổ phần	9.000.000	(1.631)
Số điều chỉnh lại	18.000.000	1.631

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty và công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty và công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty và công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty và công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty và công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty và công ty con. Công ty và công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty và công ty con chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty và công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty và công ty con gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty và công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN*****Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Tiền gửi ngân hàng	(i)	20.397.389.774	30.916.552.379
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	481.301.042.224	371.876.479.446
		501.698.431.998	402.793.031.825

(i) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty và công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty và công ty con.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty và công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty và công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và công ty con. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Chưa quá hạn	469.788.486.568	321.058.479.000
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	32.222.810.761
Quá hạn trên 180 ngày	11.512.555.656	18.595.189.685
	481.301.042.224	371.876.479.446

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	4.181.608.332	4.157.970.080
Tăng dự phòng trong năm	3.379.931.637	123.638.252
Hoàn nhập	(3.798.817.231)	(100.000.000)
Số dư cuối năm	3.762.722.738	4.181.608.332

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty và công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty và công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty và công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty và công ty con.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Hơn 5 năm Triệu VND
31/12/2013						
Vay ngắn hạn	748.332	788.762	788.762	-	-	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	384.475	384.475	384.475	-	-	-
Vay dài hạn	425.837	652.272	136.094	105.430	214.423	196.325
	1.558.644	1.825.509	1.309.331	105.430	214.423	196.325
31/12/2012						
Vay ngắn hạn	402.794	421.926	421.926	-	-	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	301.778	301.778	301.778	-	-	-
Vay dài hạn	312.244	585.409	78.974	67.193	185.104	254.138
	1.016.816	1.309.113	802.678	67.193	185.104	254.138

Công ty và công ty con quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty và công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty và công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty và công ty con chịu lãi suất thả nổi. Công ty và công ty con không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty và công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	20.397.389.774	30.916.552.379
Nợ phải trả tài chính	(79.993.095.954)	(87.281.168.831)
	(59.595.706.180)	(56.364.616.452)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính	-	79.997.748.144
Nợ phải trả tài chính	(1.094.176.625.434)	(627.757.391.936)
	(1.094.176.625.434)	(547.759.643.792)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 8.206 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty và công ty con (31/12/2012: 4.108 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN****(e) Giá trị hợp lý****(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu nắm giữ để kinh doanh	-	-	46.594	46.594
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	28.688	28.688	34.591	34.591
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	481.301	(*)	371.876	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	23.620	(*)	23.069	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(748.332)	(*)	(402.794)	(*)
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(384.475)	(*)	(301.778)	(*)
- Vay dài hạn	(425.837)	(*)	(312.244)	(*)
	(1.025.035)	(*)	(540.686)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý*Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu*

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (*) Công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Sông Đà 5**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN****31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Công ty mẹ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.478.764.981.346	571.893.851.853
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.618.262.082	3.852.005.845
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	47.646.000.000	-
Các công ty liên quan		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	121.241.878.905	51.684.785.458
Mua hàng hóa và dịch vụ	322.411.127.659	146.607.562.320
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.789.506.268	1.670.822.020
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	336.000.000	288.000.000

32. Cam kết**Chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty và công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	2013 VND	2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	26.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Sông Đà 5
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.605.094.357.945	496.692.546.780
Chi phí nhân công	200.432.093.506	123.544.228.733
Chi phí khấu hao	197.255.512.385	46.939.428.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.866.773.460	137.864.279.916
Chi phí khác	137.339.873.120	90.800.696.264

Người lập:



Chu Quỳnh Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Tạ Quang Dũng
Kế toán trưởng



Trần Văn Huyền
Tổng Giám đốc

26 -03- 2014

**NGUYỄN
MẠNH
TOÀN**

Digitally signed by
NGUYỄN MẠNH TOÀN
DN: cn=NGUYỄN MẠNH
TOÀN,
email=infor@songda5.c
om.vn
Date: 2014.04.14
13:28:47 +07'00'